

THÔNG BÁO

Kết quả Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên giảng dạy học phần học kỳ I năm học 2021 – 2022

Kính gửi: Các đơn vị trong toàn Trường

Căn cứ Kế hoạch số 233/KH-ĐHCNQ ngày 30 tháng 9 năm 2021 về việc Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên giảng dạy học phần học kỳ I năm học 2021 – 2022;

Căn cứ báo cáo Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên giảng dạy học phần học kỳ I năm học 2021 – 2022 của Phòng Thanh tra & KĐCL.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh thông báo đến các đơn vị kết quả Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên giảng dạy học phần học kỳ I năm học 2021 – 2022, cụ thể như sau:

I. Đánh giá chung

1. Các ưu điểm

- Nhà trường đã chủ động lập Kế hoạch đảm bảo chất lượng; ban hành Quy định công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, có kế hoạch triển khai cụ thể; đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới các đối tượng của công tác khảo sát; chuẩn bị chu đáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho việc triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học và lưu trữ kết quả để sử dụng lâu dài cho các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong, xây dựng văn hóa chất lượng cũng như phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu công tác kiểm định, đánh giá ngoài.
- Việc xử lý phiếu, tổng hợp, phân tích kết quả đã sử dụng các phần mềm chuyên dùng, nên nhanh chóng cho kết quả chính xác, độ tin cậy cao.
- Dựa vào đánh giá của sinh viên, giảng viên giảng dạy học phần hấp dẫn lôi cuốn, dễ hiểu, trình bày rõ ràng mạch lạc; có kiến thức vững vàng giúp người học nắm vững trọng tâm, giải đáp thắc mắc; sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học; đánh giá đúng mực, công bằng, đầy đủ các điểm theo yêu cầu của học phần; tài liệu học tập được giảng viên giới thiệu phù hợp với nội dung, yêu cầu học phần; quan tâm điều kiện về ánh sáng, vệ sinh đáp ứng yêu cầu dạy và học tập; có tác phong lịch sự, đúng mực trong ngôn ngữ và trong ứng xử; thực hiện đúng thời gian lên lớp; thực hiện đúng thời khóa biểu và kế hoạch đào tạo đã thông báo; Giảng dạy kết hợp giáo dục nhân cách, đạo đức; nhiệt tình, có trách nhiệm trong giảng dạy, quản lý lớp học.

2. Các tồn tại:

- Một số người học chưa có trách nhiệm trong việc đưa ra ý kiến phản hồi, chưa tập trung nghiên cứu, trả lời các câu hỏi còn mang tính chất đối phó, hình thức.
- Việc xử lý số liệu vẫn còn được nhập thủ công bằng tay, chưa tối ưu trong các cuộc khảo sát.

II. Kết quả cụ thể

Báo cáo Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên giảng dạy học phần học kỳ I năm học 2021 – 2022 của Phòng Thanh tra & KĐCL đính kèm thông báo này.

III. Kết luận

Từ kết quả Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên giảng dạy học phần học kỳ I năm học 2021 – 2022, Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh yêu cầu các đơn vị liên quan thực hiện thật tốt những yêu cầu sau:

1. Các cố vấn học tập tuyên truyền, hướng dẫn cho người học nâng cao trách nhiệm, trả lời chính xác, trung thực, khách quan các tiêu chí đánh giá trong phiếu khảo sát;
2. Các đơn vị đào tạo quản lý học phần cần quán triệt về tầm quan trọng của công tác này đến toàn thể giảng viên và người học mà đơn vị quản lý, phối hợp tốt hơn nữa với đơn vị thường trực để công tác lấy ý kiến phản hồi của người học đạt hiệu quả cao hơn;
3. Phòng Thanh tra KĐCL tiếp tục thực hiện Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên giảng dạy học phần học ở những năm học tiếp theo, nhằm đáp ứng đầy đủ mục tiêu của hoạt động khảo sát. Đồng thời, việc thực hiện khảo sát có tính liên tục, kịp thời sẽ có hiệu quả cao, giúp giảng viên trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy;
4. Các đơn vị, Giảng viên trong toàn trường căn cứ vào kết quả khảo sát cần phát huy những điểm mạnh, xây dựng kế hoạch, có biện pháp khắc phục những tồn tại trong công tác giảng dạy để nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo của Nhà trường./.

Nơi nhận

- Ban Giám hiệu
- Các đơn vị trong toàn Trường
- Lưu VT, TTra&KĐCL



TS. Hoàng Hùng Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ NGƯỜI HỌC
VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021- 2022**

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-ĐHCNQN ngày 19 tháng 5 năm 2015 về Quyết định ban hành *Quy định công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh*;

Căn cứ Kế hoạch số 233/KH-ĐHCNQN ngày 30 tháng 9 năm 2021 về việc Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên giảng dạy học phần học kỳ I năm học 2021 – 2022.

Phòng Thanh tra & KĐCL báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên giảng dạy học phần học kỳ I năm học 2021 – 2022 như sau:

1. Đối tượng và hình thức tổ chức, đánh giá

- Đối tượng: Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy học phần của các giảng viên thuộc các đơn vị đào tạo trong học kỳ I năm học 2021 – 2022.

- Hình thức tổ chức đánh giá: Phòng Thanh tra & KĐCL phát phiếu khảo sát tới từng sinh viên tham gia đánh giá giảng viên giảng dạy học phần.

2. Kết quả khảo sát

2.1. Kết quả phát, thu phiếu

Tính chung cho cả đợt khảo sát.

TT	Khoa, Bộ môn	Số học phần khảo sát		Số lượng giảng viên được đánh giá	Số lượng sinh viên tham gia đánh giá
		Lý thuyết	Thực hành		
1	Khoa học cơ bản (KHCB)	02	0	06	306
2	Lý luận chính trị (LLCT)	04	0	04	147
3	Mô & Công trình (MCT)	04	0	04	61
4	Công nghệ thông tin (CNTT)	02	02	04	48
5	Kinh tế	07	0	08	154
6	Điện	08	03	11	260
7	Cơ khí – Động lực (CKĐL)	03	01	04	97
8	TTĐT	0	02	2	37
Tổng		30	08	43	1.110

2.2. Xử lý, phân loại phiếu khảo sát

Các phiếu sau khi thu về sẽ phân loại để được các phiếu có giá trị thống kê. Việc phân loại như sau:

- Phiếu không có giá trị thống kê là các phiếu: Phiếu trắng, Phiếu viết thêm các ý kiến có nội dung không có tính chất xây dựng.

- Kết quả xử lý: Tổng số phiếu đã phát ra là 1.170, số phiếu thu về 1110; số phiếu có giá trị sử dụng 1.110 (chiếm tỷ lệ 100 % số phiếu thu về), không có phiếu không hợp lệ.

Căn cứ vào phiếu có giá trị thống kê, sau khi xử lý thống kê, các phát biểu trong từng nội dung lấy ý kiến được tính thể hiện bằng điểm trung bình chung theo từng mức độ và được phân loại như sau: (cách tính điểm điểm TBC theo Quyết định số 255/QĐ-DHCNQN ngày 19 tháng 5 năm 2015)

Mức ý kiến phản hồi	Điểm TBC đánh giá	Quy đổi
Hoàn toàn đồng ý	> 4.50	Rất tốt
Đồng ý	3.50 - 4.50	Tốt
Không có ý kiến	2.50 - <3.50	Bình thường
Không đồng ý	1.50 - < 2.50	Kém
Hoàn toàn không đồng ý	<1.50	Quá kém

3. Nội dung phiếu khảo sát phản hồi từ người học gồm:

- Phiếu khảo sát các học phần lý thuyết:

Bộ câu hỏi khảo sát được đánh giá với các nội dung chính là: 1- Nội dung giảng dạy, 2- Phương pháp giảng dạy, 3- Hoạt động kiểm tra đánh giá, 4- Công cụ giảng dạy, 5- Mức độ hài lòng của sinh viên đối với giảng viên

- Phiếu khảo sát các học phần thực hành:

Bộ câu hỏi khảo sát được đánh giá với các nội dung chính là: 1- Nội dung hướng dẫn, 2- Phương pháp, cách thức hướng dẫn, 3-Mức độ hài lòng chung của bạn về Giảng viên giảng dạy học phần

- Sự đánh giá của người học được thể hiện ở 5 mức độ: 1- Hoàn toàn không đồng ý, 2- Không đồng ý, 3- Không có ý kiến, 4- Đồng ý, 5- Hoàn toàn đồng ý

4. Kết quả phân tích, tổng hợp ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy học phần của giảng viên

4.1. Điểm trung bình của từng tiêu chí của tất cả giảng viên được khảo sát

Đối với từng GV, kết quả phản hồi của người học được thống kê số lượng ý kiến theo từng mức độ đánh giá. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy được tổng hợp cho từng học phần, giảng viên kèm theo các ý kiến của người học trong phần câu hỏi mở. Bảng thống kê cho từng học phần, giảng viên được thể hiện tại phần Phụ lục 1 của Báo cáo này.

4.2. Thống kê chung

Sau khi thực hiện kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng

dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2021-2022 Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, kết quả thực hiện như sau:

STT	Khoa	Số lượng sinh viên tham gia đánh giá	Số lượng học phần được đánh giá	Số lượng giảng viên được đánh giá	Kết quả đánh giá giáo viên	
					Rất Tốt	Tốt
1	Cơ khí Động lực	97	4	4	0	4
2	Khoa Khoa học cơ bản	306	6	6	3	3
3	Khoa Điện	260	11	11	0	11
4	Khoa Công nghệ TT	48	4	4	3	1
5	Khoa Mỏ CT	61	4	4	0	4
6	Khoa Kinh tế	154	8	8	0	8
7	BM LLCT	147	4	4	1	3
8	TT Đào tạo nghề	37	2	2	0	2
TỔNG CỘNG		1.110	38	43	7	36

Kết quả phân tích đối với các học phần cho thấy: Người học đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên có mức độ trung bình tương đối cao. Người học hài lòng với hoạt động của giảng viên các đơn vị đào tạo với số điểm hài lòng từ 3,5-5,0, trong đó:

- 07 GV đạt mức Rất tốt (Hoàn toàn hài lòng) chiếm tỷ lệ 16,2%;
- 36 GV đạt mức Tốt (Hài lòng) chiếm tỷ lệ 83,8%;

4.3. Điểm trung bình của từng tiêu chí của học phần lý thuyết và thực hành đối với toàn các đơn vị đào tạo và toàn trường

Điểm của từng tiêu chí sau khi tính với từng học phần, GV, lại được tính trung bình theo từng Khoa và thể hiện trong bảng ở Phụ lục 02:

a) Điểm trung bình đánh giá của từng tiêu chí học phần lý thuyết:

TT	Khoa	KHCB n=306	CKDL n=74	Mỏ CT n=61	Kinh tế n=154	CNTT n=26	LLCT n=147	Điện n=206
	Tiêu chí							
1	GV Giới thiệu mục tiêu học phần, đề cương, tài liệu học tập, cách thức kiểm tra đánh giá khi bắt đầu HP	4,5	4,3	4,3	4,2	4,5	4,5	4,2
2	Nội dung giảng dạy của giảng viên bám sát đề cương môn học	4,5	4,4	4,5	4,2	4,7	4,6	4,3
3	Nội dung giảng dạy phù hợp với trình độ của sinh viên	4,5	4,4	4,5	4,3	4,5	4,6	4,2
4	Kiến thức môn học có tính cập nhật, hiện đại, ứng dụng được trong thực tiễn	4,4	4,3	4,4	4,2	4,6	4,5	4,2
5	GV Có kiến thức vững vàng giúp người học nắm vững trọng tâm, giải đáp thắc mắc	4,5	4,3	4,5	4,2	4,6	4,5	4,3

TT	Khoa	KHCB n=306	CKĐL n=74	Mô CT n=61	Kinh tế n=154	CNTT n=26	LLCT n=147	Điện n=206
6	GV mở rộng kiến thức so với nội dung cơ bản trong giáo trình/tài liệu giảng dạy.	4,5	4,3	4,5	4,3	4,7	4,5	4,2
7	Phương pháp giảng dạy của giảng viên phát huy được tính độc lập, sáng tạo của sinh viên	4,4	4,2	4,3	4,3	4,5	4,4	4,2
8	Giảng viên có áp dụng phương pháp dạy học tích cực	4,5	4,3	4,5	4,2	4,6	4,5	4,3
9	Giảng viên giảng bài có hấp dẫn, lôi cuốn	4,4	4,3	4,3	4,2	4,5	4,5	4,2
10	Giảng viên có giọng nói, cách trình bày rõ ràng, mạch lạc	4,4	4,4	4,6	4,3	4,7	4,6	4,3
11	Giảng viên giảng có dễ hiểu	4,4	4,2	4,5	4,2	4,5	4,5	4,2
12	Giảng viên có sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học (bảng, máy chiếu, mô hình..)	4,5	4,4	4,5	4,4	4,7	4,6	4,3
13	Nội dung thi, kiểm tra phù hợp với nội dung học phần	4,4	4,2	4,5	4,2	4,5	4,4	4,2
14	GV Đánh giá đúng mực, công bằng, đầy đủ các điểm theo yêu cầu của học phần	4,5	4,3	4,4	4,2	4,5	4,5	4,3
15	Kết quả kiểm tra học phần được thông báo đến người học trong quá trình học	4,5	4,4	4,3	4,2	4,6	4,5	4,2
16	GV giải đáp rõ ràng, thỏa đáng các câu hỏi, nội dung thi, kiểm tra cho người học	4,5	4,5	4,5	4,3	4,4	4,5	4,3
17	GV đánh giá kết quả học tập của SV công bằng và chính xác đúng quy định.	4,5	4,3	4,5	4,3	4,5	4,5	4,4
18	Giảng viên giới thiệu đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho người học	4,5	4,2	4,3	4,1	4,3	4,3	4,3
19	Tài liệu học tập được giảng viên giới thiệu phù hợp với nội dung, yêu cầu học phần	4,6	4,2	4,3	4,1	4,5	4,5	4,3
20	GV quan tâm tới Giảng đường để đáp ứng được yêu cầu học phần	4,5	4,4	4,5	4,2	4,4	4,4	4,2
21	GV quan tâm tới trang thiết bị tại giảng đường để đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy và học tập	4,5	4,3	4,4	4,2	4,5	4,5	4,3
22	GV quan tâm tới các điều kiện về ánh sáng, vệ sinh học đường đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập	4,5	4,3	4,3	4,3	4,5	4,4	4,2
23	Giảng viên có tác phong lịch sự, đúng mực trong ngôn ngữ và trong ứng xử	4,6	4,5	4,3	4,3	4,4	4,5	4,4
24	Giảng viên thực hiện đúng thời gian lên lớp	4,6	4,5	4,6	4,3	4,7	4,5	4,3
25	Giảng viên thực hiện đúng thời khóa biểu và kế hoạch đào tạo đã thông báo	4,6	4,5	4,5	4,3	4,5	4,6	4,3
26	Giảng dạy kết hợp giáo dục nhân cách, đạo đức	4,6	4,5	4,4	4,3	4,7	4,6	4,3
27	GV Nhiệt tình, có trách nhiệm trong giảng dạy, quản lý lớp học	4,6	4,5	4,5	4,3	4,5	4,6	4,4

b) Điểm trung bình đánh giá của từng tiêu chí học phần thực hành:

TT	Tiêu chí	Khoa	CKĐL n=23	CNTT n=22	Điện n=54	ĐTN n=37
	Nội dung hướng dẫn					
1	GV Giới thiệu mục tiêu học phần, đề cương và thực hiện đúng		4,0	4,5	4,3	4,1
2	GV công bố các tiêu chí đánh giá kết quả học tập từ đầu học phần và thực hiện đúng		4,0	4,7	4,3	4,1
3	Người học được phổ biến đầy đủ về tài liệu hướng dẫn thực hành (thí nghiệm, rèn nghề)		4,3	4,6	4,3	4,1
4	Người học được phổ biến các nội quy giờ thực hành (thí nghiệm, rèn nghề), các quy định về an toàn...		4,0	4,7	4,4	4,1
	Phương pháp, cách thức hướng dẫn					
5	GV chuẩn bị các điều kiện cần thiết (thiết bị, dụng cụ, vật tư) để người học làm thực hành (thí nghiệm, rèn nghề)		4,0	4,6	4,3	3,9
6	GV hướng dẫn người học sử dụng đúng quy trình và hiệu quả các thiết bị, học liệu phục vụ thực hành (thí nghiệm, rèn nghề)		4,2	4,6	4,3	4,0
7	Giảng viên phân tích kết quả thực hành (thí nghiệm, rèn nghề) so với yêu cầu, lưu ý những sai sót mà người học mắc phải		4,1	4,6	4,3	4,1
8	Giảng viên chỉ ra được các ứng dụng thực tiễn của mỗi bài thực hành (thí nghiệm, rèn nghề)		3,7	4,6	4,3	4,0
9	Giảng viên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành (thí nghiệm, rèn nghề) công bằng và khách quan		3,7	4,6	4,2	4,0
10	Giảng viên hướng dẫn người học rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình thực hành (thí nghiệm, rèn nghề)		3,8	4,6	4,3	4,1
11	GV khuyến khích người học sáng tạo và nghiên cứu khoa học		3,6	4,6	4,3	3,9
12	GV nhiệt tình, có trách nhiệm giải đáp thắc mắc của người học một cách thỏa đáng		3,8	4,7	4,4	4,1
13	GV quan tâm đến giáo dục đạo đức, lối sống và ý thức kỷ luật cho người học		3,5	4,7	4,4	4,1
14	GV có khả năng quản lý, bao quát lớp học		3,7	4,6	4,4	4,1
15	Tác phong sư phạm, trang phục và cách ứng xử với người học		3,8	4,6	4,4	3,9
16	Mức độ hài lòng chung của bạn về Giảng viên giảng dạy học phần		3,7	4,5	4,3	4,0

c) Đánh giá chung:

* Đối với học phần lý thuyết

- Khoa CNTT: 10/27 tiêu chí được đánh giá Rất Tốt, 17/27 tiêu chí được đánh giá Tốt;

- Bộ môn LLCT: 7/27 tiêu chí được đánh giá Rất Tốt, 20/27 tiêu chí được đánh giá Tốt;

- Khoa KHCB: 6/27 tiêu chí được đánh giá Rất Tốt , 21/27 tiêu chí được đánh giá Tốt;

- Khoa Mô CT: 2/27 tiêu chí được đánh giá Rất Tốt, 25/27 tiêu chí được đánh giá Tốt;

- Khoa CKDL, Khoa Kinh tế, Khoa Điện : không có tiêu chí nào được đánh giá Rất tốt, 27/27 tiêu chí được đánh giá Tốt.

* Đối với học phần thực hành

- Khoa CNTT có 15/16 tiêu chí được đánh giá Rất tốt, 1/16 tiêu chí được đánh giá Tốt;

- Khoa CKDL, Khoa Điện, Trung tâm ĐTN: không có tiêu chí nào được đánh giá Rất tốt , 16/16 tiêu chí được đánh giá Tốt.

* Từ kết quả phân tích đối với các học phần lý thuyết và thực hành tại các đơn vị đào tạo, cho thấy:

- Có sự khác biệt về mức độ hài lòng của người học đối với hoạt động giảng dạy của GV theo giới tính của GV và đặc thù học phần cơ sở và chuyên ngành.

- Khoa KHCB, Bộ môn LLCT và khoa CNTT được người học đánh giá cao hơn so với các khoa đào tạo chuyên ngành khối kỹ thuật.

- Học phần TH Vẽ kỹ thuật của khoa Cơ khí Động được người học đánh giá đạt mức Tốt nhưng là học phần có điểm trung bình thấp nhất trong các học phần được đánh giá trong kỳ.

5. Nhận xét về việc thực hiện đánh giá giảng viên thông qua ý kiến của người học

5.1. Các ưu điểm

- Nhà trường đã chủ động lập Kế hoạch đảm bảo chất lượng; ban hành Quy định công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, có kế hoạch triển khai cụ thể; đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới các đối tượng của công tác khảo sát; chuẩn bị chu đáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho việc triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học và lưu trữ kết quả để sử dụng lâu dài cho các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong, xây dựng văn hóa chất lượng cũng như phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu công tác kiểm định, đánh giá ngoài.

- Việc xử lý phiếu, tổng hợp, phân tích kết quả đã sử dụng các phần mềm chuyên dùng, nên nhanh chóng cho kết quả chính xác, độ tin cậy cao.

- Dựa vào đánh giá của sinh viên, giảng viên giảng dạy học phần hấp dẫn lôi cuốn, dễ hiểu, trình bày rõ ràng mạch lạc; có kiến thức vững vàng giúp người học nắm vững trọng tâm, giải đáp thắc mắc; sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học; đánh giá đúng mực, công bằng, đầy đủ các điểm theo yêu cầu của học phần; tài liệu học tập được giảng viên giới thiệu phù hợp với nội dung, yêu cầu học phần; quan tâm điều kiện về ánh sáng, vệ sinh đáp ứng yêu cầu dạy và học tập; có tác phong lịch sự, đúng mực trong ngôn ngữ và trong ứng xử; thực hiện đúng thời gian lên lớp; thực hiện đúng thời khóa biểu và kế hoạch đào tạo đã thông báo; Giảng dạy kết hợp giáo dục nhân cách, đạo đức; nhiệt tình, có trách nhiệm trong giảng dạy, quản lý lớp học.

5.2. Các hạn chế

- Một số người học chưa có trách nhiệm trong việc đưa ra ý kiến phản hồi, chưa tập trung nghiên cứu, trả lời các câu hỏi còn mang tính chất đối phó, hình thức.
- Việc xử lý số liệu vẫn còn được nhập thủ công bằng tay, chưa tối ưu trong các cuộc khảo sát.

6. Đề xuất, kiến nghị

- Việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, cần sự tham gia của các Cố vấn học tập trong việc tuyên truyền, hướng dẫn cho người học nâng cao trách nhiệm, trả lời chính xác, trung thực, khách quan các tiêu chí đánh giá trong phiếu khảo sát.
- Các đơn vị đào tạo quản lý học phần, giảng viên cần quán triệt về tầm quan trọng của công tác này tới toàn thể giảng viên và người học mà đơn vị quản lý, đồng thời phối hợp tốt hơn nữa với bộ phận thường trực để công tác lấy ý kiến phản hồi của người học đạt hiệu quả cao hơn.
- Nhà trường xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến gắn với chế tài áp dụng với người học.

**PHÒNG THANH TRA KĐCL
TRƯỞNG PHÒNG**



ThS. Bùi Thanh Nhạn

BẢNG SỐ LIỆU KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN
HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2021-2022
Đối với học phần lý thuyết

Phụ lục 1

TT	Bộ môn/GV	Học phần giảng dạy	TSP	Điểm trung bình các tiêu chí																											TBC	XL
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27		
I	Khoa CNTT																															
1	Đoàn Thùy Dương	Quản trị	13	4.54	4.62	4.46	4.54	4.46	4.69	4.46	4.46	4.31	4.69	4.62	4.62	4.46	4.46	4.38	4.31	4.38	4.15	4.38	4.46	4.31	4.38	4.46	4.62	4.62	4.69	4.46		
2	Đặng Đình Đức	Đảm bảo an toàn thông tin	13	4.54	4.69	4.62	4.62	4.69	4.69	4.54	4.69	4.62	4.62	4.46	4.85	4.62	4.54	4.77	4.54	4.62	4.46	4.62	4.38	4.69	4.69	4.38	4.77	4.46	4.62	4.46	4.60	Rất tốt
II	Khoa KHCB																															
1	Bùi Thị Hồng Vân	Toán cao cấp	50	4.28	4.32	4.22	4.20	4.30	4.22	4.08	4.24	4.10	4.20	4.06	4.06	4.10	4.30	4.24	4.28	4.32	4.24	4.22	4.18	4.08	4.08	4.38	4.30	4.30	4.34	4.34	4.22	Rất tốt
2	Mai Thị Huyền	Tiếng anh cơ	48	4.52	4.50	4.52	4.54	4.56	4.52	4.50	4.54	4.50	4.58	4.48	4.56	4.46	4.63	4.56	4.67	4.58	4.56	4.56	4.63	4.63	4.58	4.60	4.65	4.69	4.67	4.63	4.57	Rất tốt
3	Phạm Ngọc Hải	Toán cao cấp	51	4.75	4.73	4.69	4.65	4.84	4.75	4.69	4.76	4.71	4.73	4.76	4.78	4.59	4.61	4.53	4.69	4.73	4.84	4.82	4.73	4.76	4.82	4.80	4.80	4.86	4.84	4.90	4.75	Rất tốt
4	Ngô Hải Yên	Tiếng anh cơ bản 1	57	4.18	4.23	4.28	4.19	4.26	4.25	4.14	4.21	4.16	4.11	4.16	4.32	4.14	4.11	4.16	4.21	4.19	4.21	4.30	4.11	4.30	4.25	4.37	4.35	4.35	4.39	4.40	4.23	Rất tốt
5	Nguyễn Thanh Huyền	Toán cao cấp	43	4.49	4.53	4.53	4.51	4.60	4.53	4.49	4.56	4.53	4.47	4.51	4.49	4.51	4.53	4.51	4.51	4.47	4.49	4.56	4.53	4.60	4.53	4.60	4.63	4.65	4.63	4.60	4.54	Rất tốt
6	Nguyễn T Thu Hương	Toán cao cấp	57	4.58	4.72	4.68	4.51	4.74	4.63	4.70	4.75	4.60	4.60	4.56	4.70	4.75	4.77	4.81	4.74	4.84	4.81	4.84	4.88	4.82	4.79	4.88	4.84	4.81	4.82	4.84	4.74	Rất tốt
III	Bộ môn LLCT																															
1	Nguyễn Thị Diễm	Văn hóa kinh doanh	37	4.54	4.54	4.65	4.62	4.51	4.46	4.51	4.49	4.57	4.62	4.49	4.68	4.54	4.49	4.57	4.57	4.57	4.46	4.78	4.49	4.57	4.51	4.76	4.51	4.70	4.54	4.65	4.57	Rất tốt
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Lịch sử Đảng CSVN	19	4.37	4.58	4.37	4.42	4.37	4.47	4.26	4.32	4.32	4.42	4.37	4.53	4.42	4.37	4.37	4.37	4.47	4.11	4.26	4.21	4.21	4.21	4.37	4.32	4.32	4.37	4.37	4.35	Rất tốt
3	Trần Thị Hoàn	Tư tưởng hồ chí minh	53	4.49	4.55	4.64	4.51	4.49	4.53	4.49	4.55	4.51	4.53	4.47	4.53	4.42	4.53	4.51	4.47	4.51	4.23	4.47	4.47	4.51	4.42	4.43	4.49	4.53	4.60	4.55	4.50	Rất tốt
4	Nguyễn Thị Hải Ninh	Nhập môn logic học	38	4.47	4.66	4.58	4.58	4.53	4.58	4.37	4.47	4.53	4.61	4.50	4.61	4.42	4.53	4.50	4.53	4.39	4.29	4.39	4.42	4.53	4.26	4.58	4.63	4.66	4.58	4.74	4.52	Rất tốt
IV	Khoa Mỏ CT																															
1	Trần Xuân Thủy	Trắc địa cao	5	4.20	4.60	4.60	4.40	4.60	4.60	4.40	5.00	4.40	5.00	4.80	4.60	4.40	4.40	4.60	4.60	5.00	4.40	4.60	4.40	4.20	4.20	4.20	5.00	4.60	4.20	4.60	4.54	Rất tốt
2	Nguyễn Mạnh Tường	Vận tải mỏ	4	4.50	5.00	4.25	4.00	4.50	4.75	4.25	4.25	4.00	4.75	4.75	5.00	4.50	5.00	4.50	4.75	4.75	4.25	4.50	4.75	4.50	4.00	4.25	5.00	4.75	4.50	4.00	4.52	Rất tốt
3	Nguyễn V Đức	Khoan nổ	7	4.57	4.57	4.43	4.29	4.43	4.57	4.29	4.43	4.57	4.43	4.29	4.71	4.43	4.43	4.43	4.57	4.14	4.43	4.43	4.71	4.43	4.29	4.14	4.57	4.29	4.57	4.57	4.44	Rất tốt
4	Phạm Thu Hiền	Môi trường cngiệp	45	4.22	4.38	4.53	4.47	4.47	4.44	4.29	4.53	4.33	4.56	4.47	4.40	4.47	4.38	4.24	4.44	4.44	4.22	4.22	4.40	4.36	4.33	4.40	4.51	4.44	4.40	4.47	4.40	Rất tốt
V	Khoa Kinh tế																															
1	Lê Xuân Hương	Thuế	18	4.72	4.61	4.78	4.61	4.89	4.61	4.78	4.72	4.72	4.56	4.78	4.72	4.50	4.50	4.56	4.50	4.67	4.72	4.67	4.39	4.44	4.56	4.72	4.61	4.83	4.72	4.78	4.65	Rất tốt
2	Nguyễn Thị Thúy	QT ngân hàng TM	15	4.20	4.33	4.60	4.27	4.33	4.47	4.40	4.60	4.20	4.67	4.33	4.73	4.47	4.53	4.53	4.60	4.40	4.40	4.33	4.53	4.60	4.47	4.60	4.60	4.47	4.47	4.40	4.46	Rất tốt
3	Nguyễn Thị Thơm	Nguyên lý kế toán	26	4.15	4.42	4.31	4.08	4.19	4.19	4.42	4.42	4.31	4.35	4.27	4.27	4.23	4.15	4.08	4.27	4.15	4.08	4.31	4.27	4.35	4.35	4.23	4.27	4.31	4.46	4.42	4.27	Rất tốt
4	Nguyễn Thanh Hằng	Kế toán	21	4.29	4.10	4.14	4.19	4.14	4.14	3.86	3.90	4.10	4.14	4.00	4.29	4.00	4.10	4.05	4.10	4.14	3.95	4.00	4.14	4.00	4.05	4.19	4.29	4.29	4.19	4.10	4.11	Tốt
5	Nguyễn Thị Thu Hà	Thị trường chứng khoán	13	4.00	3.92	4.00	4.08	3.92	4.08	3.92	4.08	3.85	4.08	4.15	4.23	4.00	4.15	3.77	4.15	4.23	3.92	3.92	3.92	4.00	4.31	4.00	4.23	4.31	4.08	4.31	4.06	Tốt

TT	Bộ môn/GV	Học phần giảng dạy	TSP	Điểm trung bình các tiêu chí																											TBC	XL
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27		
6	Trần Thị Mây	Kê toán tài chính DN	16	4.25	4.44	4.31	4.25	4.31	4.44	4.50	4.38	4.13	4.63	4.50	4.75	4.13	4.19	4.31	4.38	4.38	4.13	4.19	4.31	4.38	4.38	4.31	4.31	4.50	4.31	4.44	4.35	Rất tốt
7	Trần Thị Thu Lan	Kinh tế học đại cương	28	3.71	3.89	3.93	4.04	3.89	4.04	3.96	3.79	3.75	3.82	3.75	3.93	3.89	4.11	3.89	4.00	3.89	3.79	3.75	3.86	3.82	3.89	4.04	3.93	3.86	3.93	3.79	3.89	Tốt
8	Ng T Thương Huyền	Tài chính DN	17	4.59	4.29	4.41	4.18	4.47	4.41	4.41	4.29	4.65	4.47	4.24	4.35	4.18	4.41	4.29	4.53	4.59	4.29	4.18	4.35	4.41	4.29	4.53	4.53	4.41	4.29	4.71	4.40	Rất tốt
VI Khoa CKDL																																
1	Nguyễn Bá Thiện	Hệ thống điện động cơ	14	4.21	4.29	4.50	4.36	4.50	4.43	4.07	4.43	4.29	4.29	4.29	4.43	4.00	4.14	4.43	4.43	4.21	4.07	4.21	4.21	4.14	4.07	4.64	4.29	4.50	4.36	4.50	4.31	Rất tốt
2	Vi Thị Nhung	Cơ lý thuyết	15	4.33	4.40	4.20	4.27	4.33	4.20	3.93	4.07	4.00	4.33	4.13	4.33	4.13	4.27	4.13	4.33	4.27	4.27	4.33	4.40	4.33	4.33	4.53	4.40	4.33	4.27	4.20	4.26	Rất tốt
3	Nguyễn T Trung	Hình họa vẽ kỹ thuật	45	4.36	4.40	4.36	4.36	4.20	4.22	4.29	4.31	4.33	4.44	4.18	4.42	4.36	4.42	4.44	4.51	4.38	4.20	4.18	4.40	4.40	4.29	4.51	4.53	4.56	4.56	4.64	4.38	Rất tốt
VII Khoa Điện																																
1	Đỗ Chí Thành	Ứng dụng tin	18	4.50	4.44	4.28	4.28	4.28	4.56	4.39	4.17	4.39	4.50	4.06	4.44	4.28	4.28	4.28	4.39	4.61	4.39	4.28	4.50	4.44	4.33	4.61	4.50	4.61	4.61	4.39	4.40	Rất tốt
2	Nguyễn Thanh Tùng	An toàn điện	17	4.53	4.41	4.47	4.41	4.47	4.29	4.35	4.47	4.35	4.47	4.35	4.35	4.47	4.35	4.35	4.41	4.53	4.59	4.59	4.35	4.35	4.59	4.53	4.35	4.47	4.53	4.47	4.44	Rất tốt
3	Đoàn T Bích Thủy	SDNL tiết kiệm và hq	34	4.18	4.26	4.26	4.29	4.21	4.18	4.26	4.06	4.00	4.21	4.18	4.32	4.12	4.26	4.15	4.15	4.26	4.06	4.26	4.21	4.35	4.18	4.24	4.21	4.32	4.26	4.26	4.21	Rất tốt
4	Vũ Thị Hằng	Kỹ thuật đo lường	30	4.20	4.17	4.17	4.07	4.23	4.07	4.07	4.10	4.17	4.30	3.90	4.17	4.07	4.20	4.20	4.27	4.33	4.13	3.93	3.97	4.23	3.83	4.27	4.23	4.13	4.40	4.50	4.16	Tốt
5	Đặng Ngọc Huy	Điều khiển lập trình PLC	29	3.97	3.93	3.93	4.07	4.28	4.17	4.10	4.34	4.28	4.38	4.17	4.28	4.07	4.10	4.14	4.28	4.34	4.03	4.24	4.10	4.10	4.14	4.38	4.24	4.28	4.07	4.28	4.17	Tốt
6	Phạm Hữu chiến	Vi xử lý vi điều khiển	30	4.17	4.30	4.20	4.20	4.27	4.23	4.13	4.40	4.07	4.13	4.03	4.33	4.07	4.27	4.23	4.33	4.27	4.27	4.23	4.23	4.20	4.27	4.47	4.33	4.30	4.27	4.33	4.24	Rất tốt
7	Nguyễn Thị Trang	Giải tích mạch điện	20	3.85	4.30	4.25	4.05	4.35	3.85	4.15	4.20	3.90	4.05	4.20	4.30	4.30	4.55	4.00	4.30	4.15	4.35	4.40	4.25	4.25	4.30	4.30	4.15	4.25	4.15	4.40	4.21	Rất tốt
8	Đoàn T Như Quỳnh	Vật liệu điện	28	4.39	4.57	4.50	4.61	4.50	4.61	4.39	4.43	4.54	4.50	4.50	4.39	4.11	4.29	4.36	4.46	4.50	4.46	4.50	4.32	4.36	4.50	4.46	4.50	4.32	4.14	4.54	4.44	Rất tốt

Phụ lục 1

KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN
HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2021-2022
Đối với học phần thực hành

TT	Bộ môn/GV	Học phần GD	Tổng số phiếu	Điểm trung bình các tiêu chí																TB	Xếp loại
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
I	Khoa CNTT																				
1	Nguyễn Phương Thảo	Ngôn ngữ java	17	4.35	4.65	4.53	4.65	4.53	4.59	4.59	4.65	4.53	4.53	4.53	4.65	4.59	4.59	4.53	4.53	4.56	Rất tốt
2	Nguyễn Huy Hoàng	XD ứng dụng web	5	5.00	5.00	5.00	4.80	4.80	4.80	4.60	4.60	4.80	5.00	4.80	4.80	5.00	4.80	5.00	4.80	4.85	Rất tốt
II	Khoa Điện			4.68	4.82	4.76	4.72	4.66	4.69	4.59	4.62	4.66	4.76	4.66	4.72	4.79	4.69	4.76	4.66	4.71	
1	Nguyễn Thị Phúc	ĐK quá trình đồ án	16	4.31	4.25	4.38	4.38	4.31	4.38	4.38	4.31	4.19	4.25	4.25	4.38	4.44	4.44	4.56	4.56	4.36	Rất tốt
2	Trần Ngân Hà	Vi xử lý dk	19	4.37	4.37	4.32	4.32	4.11	4.32	4.26	4.32	4.16	4.32	4.37	4.47	4.37	4.37	4.26	4.26	4.31	Rất tốt
3	Bùi Thị Thêm	Thực hành PLC	19	4.26	4.32	4.21	4.47	4.37	4.32	4.32	4.37	4.32	4.37	4.32	4.37	4.42	4.47	4.37	4.47	4.36	Rất tốt
III	Khoa CKDL			4.31	4.31	4.30	4.39	4.26	4.34	4.32	4.33	4.22	4.31	4.31	4.41	4.41	4.43	4.40	4.43	4.34	
1	Bùi Công Viên	TH Vẽ kỹ thuật	23	3.96	4.00	4.26	3.96	4.00	4.17	4.13	3.74	3.65	3.83	3.57	3.78	3.48	3.70	3.78	3.74	3.86	Tốt
IV	TT Đào tạo nghề																				
1	Vũ Hữu Quảng	Thực tập Máy điện	22	4.14	4.18	4.23	4.18	4.14	4.00	4.09	4.14	4.09	4.05	4.00	4.00	4.05	4.09	3.91	4.05	4.08	Tốt
2	Nguyễn Quang Hưng	Thực tập cơ khí	15	4.07	3.93	3.87	4.07	3.67	4.00	4.00	3.87	3.87	4.07	3.80	4.13	4.13	4.07	3.93	4.00	3.97	Tốt
				4.10	4.06	4.05	4.12	3.90	4.00	4.05	4.00	3.98	4.06	3.90	4.07	4.09	4.08	3.92	4.02	4.02	